

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – HN phúc**

Bản án số: 30/2023/HS-ST
Ngày: 14,15-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Phan Thùy TRF;
- Ông Lê Châu Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CD, tỉnh AnG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CD, tỉnh AnG tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang và ông Lý Chí Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 14, 15 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố CD xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2023/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22A/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị L, sinh năm 1970; nơi sinh: tỉnh AnG; nghề nghiệp: Mua bán; Nơi cư trú: Số 965, tổ 8, khóm MT, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Hai, sinh năm 1938 và bà Trần Thị Cờn, sinh năm 1951; có chồng là Võ Phước T, sinh năm 1970 (bị cáo trong vụ án); con có 02 người, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1996; anh chị em ruột có 06 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo L:

+ Ông Lê Hùng HTN, sinh năm 1981; là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Vinh Phú, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Hồ Hoàng PG, sinh năm 1971; là Luật sư Văn phòng luật sư Hồ Hoàng PG, thuộc Đoàn luật sư tỉnh AnG.

2. Võ Phước T (T Ba Sao), sinh năm 1970; nơi sinh: thành phố CD, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Làm ruộng; Nơi cư trú: Số 965, đường TĐT, tổ 8, khóm MT, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Sến (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nhân (đã chết); có vợ là Trần Thị L, sinh năm 1970 (bị cáo trong vụ án); con có 02 người, lớn sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/05/2022 đến ngày 08/12/2022 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo T:

+ Ông Lê Hùng HTN, sinh năm 1981; là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Vinh Phú, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Hồ Hoàng PG, sinh năm 1971; là Luật sư Văn phòng luật sư Hồ Hoàng PG, thuộc Đoàn luật sư tỉnh AnG.

3. Nguyễn Văn E, sinh năm 1995; nơi sinh: thành phố CD, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Mua bán; Nơi cư trú: Số 684, khóm Vĩnh Tây, phường Núi Sam, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tặc, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1957; có vợ là Võ Thị Thúy A, sinh năm 1996 (bị cáo trong vụ án); con có 02 người, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ năm.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo E:

+ Ông Lê Hùng HTN, sinh năm 1981; là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Vinh Phú, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Hồ Hoàng PG, sinh năm 1971; là Luật sư Văn phòng luật sư Hồ Hoàng PG, thuộc Đoàn luật sư tỉnh AnG.

4. Võ Thị Thúy A, sinh năm 1996; nơi sinh: thành phố CD, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Nội trợ; Nơi cư trú: Số 684, khóm Vĩnh Tây, phường Núi Sam, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Phước T, sinh năm 1970 và bà Trần Thị L, sinh năm 1970; có chồng là Nguyễn Văn E, sinh năm 1995 (bị cáo trong vụ án); con có 02 người, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo A: Ông Lê Hùng HTN, sinh năm 1981; là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Vinh Phú, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trần Văn Q, sinh năm 1987; nơi sinh: thành phố CD, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Mua bán; Nơi cư trú: Số 1092, Quốc lộ 91, tổ 8, khóm MT, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Văn Hai, sinh năm 1932 và bà Trần Thị Còn, sinh năm 1960; có vợ là Võ Thị IHP, sinh năm 1989 (bị cáo trong vụ án); con có 02 người, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ bảy.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Q:

+ Ông Lại Văn Giang, sinh năm 1968; là Luật sư thuộc Công ty TNHH MTV Tấn Thành, thuộc Đoàn luật sư tỉnh AnG.

+ Ông Lê Hùng HTN, sinh năm 1981; là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Vinh Phú, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

6. Võ Văn Đ, sinh năm 1981; nơi sinh: huyện CP, tỉnh AnG; nghề nghiệp: không; nơi cư trú: Ấp KT, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Mực (đã chết) và bà Trần Thị Siêu, sinh năm 1952; có vợ là Hồ Thị Trúc Ly, sinh năm 1989; con có 02 người, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ tư;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Trần Thị H, sinh năm 1982; nơi sinh: thành phố CD, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Sửa xe; Nơi cư trú: Số 961, đường TĐT, khóm MT, phường VM, thành Phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Hai, sinh năm 1932 và bà Trần Thị Còn, sinh năm 1960; có chồng là Nguyễn Văn Hồ, sinh năm 1979; con có 01 người, sinh năm 2005; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ năm.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo H: Ông Lại Văn Giang, sinh năm 1968; là Luật sư thuộc Công ty TNHH MTV Tấn Thành, thuộc Đoàn luật sư tỉnh AnG.

8. Trương Thị Mỹ T, sinh năm 1977; nơi sinh: huyện A Phú, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Nội trợ; Nơi cư trú: Ấp Phước Quán, xã Đa Phước, huyện A Phú, tỉnh AnG; trình độ học vấn 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Bền (đã chết) và bà Nguyễn

Thị HN, (không rõ năm sinh); có chồng là Nguyễn Văn Long, sinh năm 1969; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003; anh chị em ruột có 08 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/02/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

9. Huỳnh Bích IU, sinh năm 1978; nơi sinh: huyện Phú Tân, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Nội trợ; Nơi cư trú: Số 1090, đường TĐT, tổ 8, khóm MT, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh QCA Chì, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Nhuyễn, sinh năm 1957; có chồng là Trần Văn Sáng, sinh năm 1977; con có 02 người, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo IU: Ông Trần Quang Anh, sinh năm 1972; là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trần Quang Anh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh AnG.

10. Huỳnh Thị Thùy HK, sinh năm 1982; nơi sinh: huyện Tịnh Biên, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Mua bán; Nơi cư trú: Số 355, đường NVT, khóm Châu Thới 2, phường CP B, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Tứ Ân Hiếu Nghĩa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Vệ, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Phụng, sinh năm 1963; có chồng là Trần Tấn Lộc, sinh năm 1980; con có 01 người, sinh năm 2011; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

11. Ngô Thị PG, sinh năm 1981; nơi sinh: huyện CP, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Làm thuê; Nơi cư trú: Số 79, tổ 3, ấp KĐ, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG; trình độ học vấn 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Thạch Quang (đã chết) và bà Lê Thị Yến, sinh năm 1944; có chồng là Võ Văn Sĩ, sinh năm 1981; con có 02 người, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2022, có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo PG: Ông Đào QCA Quý, sinh năm 1993 là Luật sư Công ty Luật TNHH Kim Long – chi nhánh Phú Quốc tỉnh Kiên Giang thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

12. Quách Cẩm PT, sinh năm 1978; nơi sinh: huyện CP, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Mua bán; nơi cư trú: Số 624, tổ 15, ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện CP,

tỉnh AnG; trình độ học vấn 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Cẩm Hà, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị Thúy Nga, sinh năm 1950; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ ba;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/02/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

13. Nguyễn Thị Mai XN, sinh năm 1980; nơi sinh: huyện CP, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Làm thuê; nơi cư trú: Ấp Mỹ Phò, xã Mỹ Đức, huyện CP, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Dừa, sinh năm 1924 và bà Lê Thị Thị (không rõ năm sinh); có chồng là Nguyễn Thanh Trung, sinh năm 1981; con có 02 người, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; anh chị em ruột có 11 người, bị cáo là người nhỏ nhất;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

14. Lê Thị CL, sinh năm 1978; nơi sinh: huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; Nơi cư trú: Tổ 2, khóm CL1, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Tuốt, sinh năm 1958 và bà Trần Thị Đẹp, sinh năm 1958; có chồng là Thi Duy Phương, sinh năm 1979; con có 01 người, sinh năm 2000; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

15. Lâm Thị Hồng HN (Tú Anh), sinh năm 1973; nơi sinh: thành phố CD, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Thợ may; Nơi cư trú: Tổ 7, khóm MT, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con bà Lâm Thị Bé, sinh năm 1948; không rõ họ tên cha có chồng là Lê Minh Tâm, sinh năm 1977; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

16. Dương Thị TH, sinh năm 1965; nơi sinh: thành phố CD, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Mua bán; Nơi cư trú: Đường số 1, tổ 2, khóm MH, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Tân (đã chết) và bà Nguyễn Thị Xâm (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1965; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

17. Trần Thanh TG (Lệ), sinh năm 1978; nơi sinh: huyện CP, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Làm thuê; Nơi cư trú: Tổ 6, ấp KB, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Hạ (đã chết) và bà Phan Thị Đật (đã chết); có vợ là Lâm Thị Mỹ Kiều, sinh năm 1983; con có 02 người, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

18. Huỳnh Thị PH (Thuần), sinh năm 1981; nơi sinh: huyện Phú Tân, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Làm thuê; Nơi cư trú: Số 484, khóm XN Bình, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh QCA Chì, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Nhuyễn, sinh năm 1957; có chồng là Huỳnh Văn Bê, sinh năm 1974; con có 02 người, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2003; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ ba.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2022, có mặt tại phiên tòa.

19. Phan Thị HA (Sáng), sinh năm 1977; nơi sinh: huyện CP, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Làm thuê; nơi cư trú: Số 172, tổ 5, ấp KC, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thành Út, sinh năm 1952 và bà Dương Thị Lài, sinh năm 1954; có chồng là Võ Hoàng Minh, sinh năm 1969; con có 02 người, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2007; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo HA: Ông Đào QCA Quý, sinh năm 1993 là Luật sư Công ty Luật TNHH Kim Long – chi nhánh Phú Quốc tỉnh Kiên Giang thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

20. Thái Thị THA, sinh năm 1989; nơi sinh: thành phố CD, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Mua bán; Nơi cư trú: Tổ 5, khóm CL1, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn Hùng, sinh năm 1969 và bà Trần Thị

Nga, sinh năm 1972; có chồng là Nguyễn Tấn T, sinh năm 1991; con có 01 người, sinh năm 2012; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

21. Huỳnh Văn LM (Vinh), sinh năm 1977; nơi sinh: thành phố CD, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Mua bán; Nơi cư trú: Số 933, tổ 9, khóm MT, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Đá, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị Phấn, sinh năm 1952; có vợ là Trần Thị Phương, sinh năm 1978; con có 02 người, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2008; anh chị em ruột có 08 người, bị cáo là người thứ tư.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

22. Lâm Thị Mỹ TRF, sinh năm 1997; nơi sinh: thành phố CD, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Nội trợ; Nơi cư trú: Số 354, tổ 11, đường Kênh Đào, khóm MH, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Huy Hiện, sinh năm 1978 và bà Bùi Thị Hồng Hoa (đã chết); có chồng là Nguyễn Hồng Vững, sinh năm 1995; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

23. Huỳnh Thị Mai TOH (Mai), sinh năm 1991; nơi sinh: thành phố CD, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Mua bán; nơi cư trú: Số 582, đường Châu Long, khóm CL6, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Phước, sinh năm 1969 và bà Huỳnh Thị Tuyết, sinh năm 1972; có chồng là Lâm Thanh Thắng, sinh năm 1992; con có 03 người, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

24. Võ Thị IHP, sinh năm 1989; nơi sinh: huyện CP, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Mua bán; nơi cư trú: Số 1092, tổ 8, khóm MT, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đèo, sinh năm 1964 và bà Tăng Thị Mỹ HN, sinh năm 1967; có chồng là Trần Văn Q, sinh năm 1987 (bị

cáo trong vụ án); con có 02 người, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ hai;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2022, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo IHP: Ông Lê Hùng HTN, sinh năm 1981; là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Vinh Phú, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

25. La Thị Ánh SNG, sinh năm 1998; nơi sinh: huyện CP, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Nội trợ; Nơi cư trú: Số 576, ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện CP, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn Minh, sinh năm 1965 và bà Thái Thị Thì, sinh năm 1969; có chồng là Ngô Văn Hộ, sinh năm 1993; con có 01 người, sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/10/2022, có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo SNG: Ông Đào QCA Quý, sinh năm 1993 là Luật sư Công ty Luật TNHH Kim Long – Chi nhánh Phú Quốc tỉnh Kiên Giang thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

26. Lê Thanh QNQ, sinh năm 1991; nơi sinh: huyện Phú Tân, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Dược sĩ; nơi cư trú: Tổ 6, ấp Phú Hữu, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Dũng, sinh năm 1964 và bà Quách Hoa Thanh, sinh năm 1991; có chồng là Huỳnh Minh Thùy, sinh năm 1991; con có 01 người, sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/10/2022, có mặt tại phiên tòa.

27. Nguyễn Thị Ánh QCA, sinh năm 1965; nơi sinh: huyện Phú Tân, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Ấp Phú Hữu 2, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Keo (đã chết) và bà Trịnh Thị Cẩm (đã chết); có chồng là Quách Văn Nghĩa, sinh năm 1965; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2006;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/10/2022, có mặt tại phiên tòa.

28. Nguyễn HTN Thanh, sinh năm 1993; nơi sinh: thành phố CĐ, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Làm thuê; Nơi cư trú: Số 967, khóm MT, phường VM, thành

phố CD, tỉnh AnG; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Mến, sinh năm 1967 và bà Võ Thị SNG, sinh năm 1965; có vợ là Bùi Thị Bích QCA, sinh năm 1996; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/02/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Dương Thị Kim Tươi, sinh năm 1963 (Vắng mặt);
- Trần Thị Thu Nguyệt, sinh năm 1968 (Vắng mặt);
- Nguyễn Thị Bảo Thành, sinh năm 1975 (Vắng mặt);
- Thái Thị Thu TH, sinh năm 1975 (Vắng mặt);
- Lê Văn Tín, sinh năm 1993 (Vắng mặt);
- Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1987 (Vắng mặt);
- Trần Thị Hồng Vân, sinh năm 1988 (Vắng mặt);
- Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh năm 1972 (Vắng mặt);
- Dương Thúy Hường, sinh năm 1975 (Có mặt);
- Phạm Văn Hóa, sinh năm 1953 (Vắng mặt);
- Ôn Thị Thùy Chân, sinh năm 1986 (Vắng mặt);
- Thái Văn Bằng, sinh năm 1990 (Vắng mặt);
- Nguyễn Văn Tươi, sinh năm 1957 (Vắng mặt);
- Thi Duy Liên, sinh năm 1982 (Có mặt);
- Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1978 (Có mặt);
- Đoàn Thị Mỹ Phương, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tố giác của quần chúng nhân dân, về việc Trần Thị L và chồng là Võ Phước T tham gia đánh bạc được thua bằng tiền, với nhiều người với hình thức ghi bán số lô, số đề tại số 965, đường TĐT, tổ 8, khóm MT, phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG. Qua kiểm tra, xác minh, ngày 11/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh AnG ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị L, Võ Văn T và 07 địa điểm khác trên các địa bàn huyện CP; thành phố CD, tỉnh AnG liên quan đến Trần Thị H (Tuyết Lan), Huỳnh Thị Bích IU, Lê Thị CL, Trần Văn Q, Võ Văn Đ, Đoàn Thị Cúc, Võ Thị Thúy A. Tiến hành khám xét chỗ ở của các đối tượng trên đã thu giữ 16 điện thoại di động các loại, 03 đầu

ghi, 01 máy tính xách tay, 01 đầu CPU, 02 camera, 01 ti vi, nhiều giấy tờ, sổ sách, phơi ghi lô đề, sổ đề... và 2.305.221.000 đồng; cùng nhiều đồ vật, tài liệu có liên quan.

Khi vụ án bị phát hiện, một số người tham gia đánh bạc nhận thấy hành vi đánh bạc bằng hình thức mua lô đề, sổ đề được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nên lần lượt ra đầu thú.

Quá trình điều tra, xác định: Vợ chồng Trần Thị L và Võ Phước T thực hiện hình thức đánh bạc, thông qua mạng xã hội Zalo, tin SMS trên điện thoại di động và căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết của các đài miền Nam (cụ thể ngày 10/5/2022 là đài Bạc Liêu) và miền Bắc đối với từng lô số, như: lô A 02 con (là 02 con số của giải đầu); lô A 03 con (là 03 con số của giải bảy); lô B 02 con, 03 con (là 02 con và 03 con số cuối cùng của giải đặc biệt) của các đài miền Nam, miền Bắc; bao lô 02 con, 03 con (là 02 con và 03 con số cuối cùng của 18 dãy số các đài miền Nam; 27 dãy số các đài miền Bắc); số đá (là 02 cặp số cuối cùng đá với nhau của 18 dãy số các đài miền Nam; 27 dãy số của đài miền Bắc để thực hiện việc đánh bạc dưới hình thức ghi bán lô đề, sổ đề hoặc nhận phơi số đề của người khác trực tiếp ghi bán chuyển giao để đánh bạc được thua bằng tiền với Huỳnh Thị Thùy HK; Dương Thị TH; Huỳnh Bích IU; Phan Thị HA (Sáng); Thái Thị THA; Huỳnh Văn LM (Vinh); Lâm Thị Mỹ TRF; Huỳnh Thị Mai TOH; Võ Thị IHP; La Thị Ánh SNG; Nguyễn Thị Ánh QCA, Ngô Thị PG; Quách Cẩm PT; Trần Thanh TG; Phan Văn Hóa; Nguyễn Văn Dũng và một số người khác (không rõ họ tên, địa chỉ).

Tỷ lệ cá cược: Đối với số A, B TOH nhận phơi với tỷ lệ 90 trở lên thì 1.000 đồng thắng 90.000 đồng, tỷ lệ dưới 90 thì 1.000 đồng thắng 80.000 đồng; lô 02 chữ số 1.000 đồng thắng 80.000 đồng; đối với số A, B, lô 03 chữ số 1.000 đồng thắng 600.000 đồng; số đá 1.000 đồng thắng 700.000 đồng.

Hình thức thanh toán tiền: Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết các đài miền Nam và miền Bắc, các bị can, đối tượng thống nhất số tiền thắng, thua xong sẽ thanh toán thông qua giao dịch Ngân hàng hoặc trực tiếp trả tiền mặt.

Vật chứng thu giữ:

1. 01 (một) quyển tập có chữ GOON – JEWELPET;
2. 01 (một) máy in hiệu canon NP ZA 023317, màu đen, đã qua sử dụng;
3. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, số Imei 1: 353465100561933, số Imei 2: 353466100561931, màu đen, đã qua sử dụng;
4. 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8, số Imei 1: 353759098250875, màu xám; đã qua sử dụng;
5. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số Imei: 359153072850567, màu hồng; đã qua sử dụng;
6. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A23, số Imei: 354650130740354, màu đen; đã qua sử dụng;

7. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy S8+, số Imei 1: 354359082718604, màu đen, màn hình bị bể; đã qua sử dụng;
8. 03 (ba) tờ giấy ghi chữ và số;
9. 06 (sáu) quyển tập đánh số A,B,C,D,E,G;
10. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA-1017 số Emei 1: 355848092742363, số Emei 2: 355848097741360; đã qua sử dụng;
11. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, màn hình bị bể không mở được, không kiểm tra được model, số Imei tại thời điểm giao nhận;
12. 01 (một) sổ màu đen, có chữ Discovery;
13. 01 (một) tập có chữ monokuro;
14. 01 (một) tập có chữ essential;
15. 01 (một) tập có chữ hello baby;
16. 01 (một) sổ giấy ghi nhiều chữ và số có chữ ký xác nhận của Huỳnh Thị Bích IU trên từng trang tài liệu được đánh số thứ tự;
17. 05 (năm) tờ giấy trắng, khổ A4;
18. 01 (một) máy tính Casio, màu xám, DX-12B;
19. 01 (một) bút xóa, màu xanh trắng (ghi chữ TL);
20. 03 (ba) viết mực đỏ, TL-08, 0.8mm (ghi chữ TL);
21. 03 (ba) viết mực đỏ, TL-027, 0.5mm (ghi chữ TL);
22. 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax, số Emei 1: 353888109703414, số Emei 2: 353888109649856, màu trắng, đã qua sử dụng;
23. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53, màu đen, số Imei 1: 865822056634133, số Imei 2: 865822056634125, đã qua sử dụng;
24. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, màu vàng trắng, số Imei: 355228084009990, số Imei: 355229084009998, đã qua sử dụng;
25. 05 (năm) cây viết màu xanh;
26. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, màu đen, số Imei: 353415085230988, số Imei 2: 353416085230986, đã qua sử dụng;
27. 02 (hai) tờ giấy in màu đỏ, có các số;
28. 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A50S, số seerri R58MB4DS2JH; số Emei 352049111923364, màu trắng, đã qua sử dụng;
29. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung model SM-N910C, số Imei 355025/06/1651921/1, màu trắng, đã qua sử dụng;
30. 01 (một) máy in hiệu Canon F166500; màu trắng đen;
31. 14 (mười bốn) tờ giấy ghi chữ viết, chữ số;

32. 06 (sáu) máy tính tiền Casio (02 cái GX 12B; 02 cái GX 120B; 02 DM 1200 FM);

33. 26 (hai mươi sáu) cây viết mực;

34. 15 (mười lăm) cây viết chì;

35. 01 (một) điện thoại di động màu xanh hiệu ITEL, model IT 5026, số Imei 356450110900585, số Emei 356450110902393, đã qua sử dụng;

36. 01 (một) điện thoại di động màu trắng đen hiệu Mastel, model Fami 60, số Imei 1: 358069245152130, số Emei 2: 358069245252138, đã qua sử dụng;

37. 01 (một) điện thoại di động Iphone 8 Plus màu trắng, số máy MQ 912 LL/A, số Emei: 359402087506338, đã qua sử dụng;

38. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67D2-088.44;

39. 01 (một) xe mô tô biển số 67D2-088.44, nhãn hiệu Honda Future F1 màu đỏ-đen, số máy 1132522, số khung 020439, đã qua sử dụng;

40. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model Galaxy J7+, số Emei 1; 352808093029817, số Emei 2: 352809093029815, màu vàng, đã qua sử dụng;

41. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA 1034, màu đen, đã qua sử dụng, số Emei 1: 354481092416472, số Emei 2: 354481097416477, đã qua sử dụng;

42. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh, không rõ model đời máy, bị hư màn hình, màn hình bị bể, đã qua sử dụng;

43. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 4, số Emei 1: 867671055889018, số Emei 2: 867671055889000, màu xanh – tím, đã qua sử dụng;

44. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39, số Emei 1: 863654031346976, số Emei 2: 863654031346968, màu vàng đồng, đã qua sử dụng;

45. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, máy không mở nguồn được nên không xác định số Emei, model, trong máy có gắn sim Viettel số 8984-04800-00354-97891, đã qua sử dụng;

46. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu nâu model SM-J51FN/DS, bị hư màn hình, đã qua sử dụng;

47. Tiền Việt Nam 1.640.755.000 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Căn cứ các Kết luận trưng cầu giám định:

- Kết luận giám định số 128/KL-KTHS (KTSĐT-GT) ngày 28/5/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong: 02 điện thoại di động (ký hiệu: A1, A2) do Cơ quan Cảnh sát điều

tra – Công an tỉnh AnG gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục và ổ cứng lưu trữ dữ liệu trích xuất kèm theo. Kèm theo: 01 Phụ lục gồm 91 trang A4 và 01 ổ cứng di động hiệu Seagate loại dung lượng 1TB (lưu trữ dữ liệu có tổng dung lượng 10,2GB).

- Kết luận giám định số 133/KL-KTHS (KTSĐT-GT) ngày 01/6/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh AnG kết luận:

+ Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong 05 điện thoại di động (ký hiệu: A1- A5) do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh AnG gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục và ổ cứng lưu trữ dữ liệu trích xuất kèm theo.

+ Không tiến hành giám định, trích xuất dữ liệu lưu trữ trong 01 thùng CPU tính (ký hiệu A6) gửi giám định.

Kèm theo: 01 Phụ lục gồm 101 trang A4 và 01 ổ cứng di động hiệu WD loại dung lượng 2TB có Sêri: WXD1E39FWWP6Y.

- Kết luận giám định số 133/KL-KTHS (KTSĐT-GT) ngày 01/6/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh AnG kết luận: Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong các mẫu vật do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh AnG gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục và ổ cứng lưu trữ dữ liệu trích xuất kèm theo. Kèm theo: 02 Phụ lục (Phụ lục số 1 gồm 85 trang A4; Phụ lục số 2 gồm 115 trang A4) và 01 ổ cứng di động hiệu WD loại dung lượng 2 TB có số Sêri: WXD1E39FWWP6Y.

- Kết luận giám định số 195/KL-KTHS (KTSĐT-GT) ngày 05/7/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh AnG kết luận: Không tiến hành giám định trích xuất dữ liệu lưu trữ trong : 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG (ký hiệu A) do Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh AnG gửi giám định. Kèm theo: 01 (một) Phụ lục gồm 02 trang A4.

- Kết luận giám định số 204/KL-KTHS (KTSĐT-GT) ngày 13/7/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh AnG kết luận: Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong 03 điện thoại di động (Ký hiệu: A1, A2, A3) do Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh AnG gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục và ổ cứng lưu trữ dữ liệu trích xuất kèm theo. Kèm theo: 01 Phụ lục gồm 82 trang A4 và 01 ổ cứng di động hiệu WD loại dung lượng 2TB có số Sêri: WXD1E39FWWP6Y.

- Kết luận giám định số 229/KL-KTHS (KTSĐT-GT) ngày 30/7/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh AnG kết luận: Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong các mẫu vật do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh AnG gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục và ổ cứng lưu trữ dữ liệu trích xuất kèm theo. Kèm theo: 03 Phụ lục (Phụ lục số 1 gồm 96 trang A4; Phụ lục số 2 gồm 85 trang A4; Phụ lục số 3 gồm 89 trang A4) và 01 ổ cứng di động hiệu WD loại dung lượng 2TB có số sêri: WXD1E39FWWP6Y.

- Kết luận giám định số 349/KL-KTHS (KTSĐT-GT) ngày 18/10/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh AnG kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 03 điện thoại di động (ký hiệu: A1, A2, A3) do Cơ quan Cảnh sát điều tra

– Công an tỉnh AnG gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục và ổ cứng lưu dữ liệu trích xuất kèm theo. Kèm theo 01 Phụ lục gồm 68 trang A4 và 01 ổ cứng di động WD loại dung lượng 2 TB có số Sêri: WXD1E39FWP6Y.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh AnG ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Thị L, Võ Phước T, Nguyễn Văn E, Võ Thị Thúy A, Trần Văn Q, Võ Văn Đ, Nguyễn HTN Thanh, Trần Thị H, Huỳnh Thị Thùy HK, Huỳnh Bích IU, Lê Thị CL, Lâm Thị Mỹ TRF, Trương Thị Mỹ T, Võ Thị IHP, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ, Thái Thị THA, Nguyễn Thị Mai XN, Lâm Thị Hồng HN, Dương Thị TH, Phan Thị HA, Huỳnh Thị Mai TOH, Huỳnh Văn LM, Trần Thanh TG, Quách Cẩm PT, Ngô Thị PG, Huỳnh Thị PH, La Thị Ánh SNG

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSAG-P2 ngày 17/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AnG truy tố các bị cáo Trần Thị L, Võ Phước T, Nguyễn Văn E, Võ Thị Thúy A, Trần Văn Q, Võ Văn Đ, Nguyễn HTN Thanh, Trần Thị H, Huỳnh Thị Thùy HK, Huỳnh Bích IU, Lê Thị CL, Lâm Thị Mỹ TRF, Trương Thị Mỹ T, Võ Thị IHP, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ về tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Thái Thị THA, Nguyễn Thị Mai XN, Lâm Thị Hồng HN, Dương Thị TH, Phan Thị HA, Huỳnh Thị Mai TOH, Huỳnh Văn LM, Trần Thanh TG, Quách Cẩm PT, Ngô Thị PG, Huỳnh Thị PH, La Thị Ánh SNG về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của các bị cáo; lời khai của những người làm chứng Dương Thị Kim Tươi, Trần Thị Thu Nguyệt, Nguyễn Thị Bảo Thành, Thái Thị Thu TH, Lê Văn Tín, Nguyễn Thị Nga, Trần Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Phạm Văn Hóa, Ôn Thị Thùy Chân, Thái Văn Bằng, Nguyễn Văn Tươi, Đoàn Thị Mỹ Phương và các Kết luận trung cầu giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh AnG.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: L nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù về tội “*Đánh bạc*”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về

việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo xử phạt bị cáo Võ Phước T khoảng 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo xử phạt bị cáo Võ Thị Thúy A từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn E, Trần Văn Q, Võ Văn Đ, Nguyễn HTN Thanh và Trần Thị H từ 01 (một) năm đến 01 năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Huỳnh Thị Thùy HK, Lê Thị CL, Lâm Thị Mỹ TRF, Trương Thị Mỹ T, Võ Thị IHP, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ từ 01 (một) 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Bích IU từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Quách Cẩm PT, Trần Thanh TG, Thái Thị THA, Huỳnh Văn LM, La Thị Ánh SNG, Lâm Thị Hồng HN từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Dương Thị TH, Phan Thị HA, Huỳnh Thị PH, Huỳnh Thị Mai TOH, Ngô Thị PG từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai XN từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt bổ sung:

- Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị L từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng;

- Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Huỳnh Thị Thùy HK, Huỳnh Bích IU, Lê Thị CL, Lâm Thị Mỹ TRF, Trương Thị Mỹ T, Võ Thị IHP, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị buộc các bị cáo Quách Cẩm PT 1.000.000 đồng; Trương Thị Mỹ T 52.000.000 đồng; Lê Thị CL 8.000.000 đồng; Trần Thị H 3.350.000 đồng; Huỳnh Thị Mai TOH 25.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam 867.105.000 đồng;

- Trả lại cho các bị cáo Võ Phước T và Trần Thị L 449.950.000 đồng; Trần Thị H 87.665.000 đồng; Trần Văn Q 41.500.000 đồng; Lê Thị CL 20.000.000 đồng; Nguyễn Văn HTN Em 25.600.000 đồng; Võ Văn Đ 435.000 đồng; Huỳnh Bích IU 54.000.000 đồng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo giao nộp cao hơn nghĩa vụ cần phải nộp gồm Trần Thị L, Võ Phước T: 70.000.000 đồng; Trần Văn Q: 12.000.000 đồng; Ngô Thị PG: 10.700.000 đồng; Dương Thị TH: 11.600.000 đồng; Võ Thị IHP: 14.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mai XN: 3.000.000 đồng; Lê Thanh QNQ: 3.000.000 đồng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 quyển tập có chữ GOON - JEWELPET; 03 tờ giấy ghi chữ và số; 06 quyển tập đánh số A, B, C, D, E, G; 01 sổ màu đen, có chữ Discovery; 01 tập có chữ monokuro; 01 tập có chữ essential; 01 tập có chữ hello baby; 01 sấp giấy ghi nhiều chữ và số có chữ ký xác nhận của Huỳnh Thị Bích IU; 05 tờ giấy trắng, khổ A4; 01 bút xóa nhãn hiệu Thiên Long, màu xanh trắng; 03 viết mực màu xanh, nhãn hiệu Thiên Long; 03 viết mực đỏ, nhãn hiệu Thiên Long; 02 tờ giấy in màu đỏ, có các số; 14 tờ giấy ghi chữ viết, chữ số; 26 cây viết mực; 15 cây viết chì;

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước đối với 01 máy in hiệu canon LBP 226 dw; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7; 01 điện thoại di động nhãn hiệu samsung Note 8; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A23; 01 điện thoại di động nhãn hiệu S8+; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 2020; 01 máy tính Casio, màu xám, DX-12B; 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, màu vàng trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, màu đen; 01 điện thoại di động Samsung

Galaxy A50S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 4; 01 máy in hiệu Canon F166500; 06 máy tính tiền Casio; 01 điện thoại di động màu xanh hiệu ITEL; 01 điện thoại di động màu trắng đen hiệu Mastel; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, có gắn sim số mạng Viettel;

- Trả lại cho Võ Văn Đ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67D2-088.44 do không liên quan hành vi phạm tội.

Luật sư Hồ Hoàng PG trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Trần Thị L, Võ Phước T và Nguyễn Văn E:

- Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AnG và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CD về định tội danh tội “Đánh bạc” đối với các bị cáo Trần Thị L, Võ Phước T và Nguyễn Văn E. Các bị cáo trong vụ án này đều có hành vi phạm tội nhưng bị cáo T, E chỉ có hành vi giúp sức đối với bị cáo L. Các bị cáo có nhân thân tốt, do trình độ học vấn thấp, thiếu suy nghĩ, chỉ vì háms lợi nên tham gia việc bán số lô, số đề. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khai báo với cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm bị phát hiện là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T, mang căn bệnh hiểm nghèo, bị cáo L có tiền sử bệnh huyết áp và đi đứng rất khó khăn cho nên việc sinh hoạt trong trại tạm giam rất khó khăn, bị cáo E cha vừa mất và là trụ cột gia đình. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo ở khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- Đối với số tiền 449.950.000 đồng không có liên quan đến vụ án mong Hội đồng xét xử cân nhắc trả lại cho bị cáo. Trên đây là ý kiến bào chữa của tôi đối với các bị cáo T, L, E.

Luật sư Lê Hùng HTN trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Trần Thị L, Võ Phước T, Nguyễn Văn E, Trần Văn Q, Võ Thị Thúy A, Võ Thị IHP:

- Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AnG và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CD về định tội danh tội “Đánh bạc” đối với các bị cáo.

- Tuy nhiên xét về hành vi, tính chất, mức độ phạm tội và hoàn cảnh của từng bị cáo như sau:

+ Đối với các bị cáo L, T, Em ,và A đều có hành vi phạm tội đánh bạc, nhưng bị cáo T, E và A chỉ có hành vi giúp sức đối với bị cáo L, Việc truy tố bị cáo T đồng phạm đầu vụ với bị cáo L là chưa đúng bởi qua xét hỏi tại phiên tòa thể hiện T nhận các phôi đề của các con bạc giao lại cho L và nhận tiền của L giao cho các con bạc (khai tại phiên tòa giữa bị cáo L với bị cáo T là phù hợp nhau và phù hợp với các lời khai khác của E và Thúy A). Các bị cáo có nhân thân tốt, do trình độ học vấn thấp, thiếu suy nghĩ, chỉ vì háms lợi nên tham gia việc bán số lô, số đề. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khai báo với cơ quan điều tra

về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm bị phát hiện là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T mang căn bệnh hiểm nghèo (ung thư); bị cáo L có tiền sử bệnh huyết áp và đi đứng rất khó khăn cho nên việc sinh hoạt trong trại tạm giam rất khó khăn, bị cáo E cha vừa mất và là trụ cột gia đình; bị cáo Thúy A có hoàn cảnh hết sức khó khăn, bị cáo hiện nay là lao động chính nuôi cả hai con nhỏ và cha ruột (bị cáo T) đang bị bệnh hiểm nghèo, không còn sức lao động; bị cáo Q có thời gian dài công tác trong đơn vị quân đội, do đó cũng có những công sức đóng góp cho xã hội, bị cáo đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính, tuy ở vai trò giúp sức nhưng bị cáo Q chỉ có nhiệm vụ giao tiền cho con bạc. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho cho các bị cáo ở khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

+ Riêng đối với bị cáo IHP mức đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát là 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Nhưng nếu phạt tù bị cáo theo quan điểm của luật sư là có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hết hoàn cảnh của bị cáo IHP, mặc dù vì hám lợi mà bị cáo tham gia đánh bạc. Tuy nhiên bị cáo đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ, chồng bị cáo là bị cáo Q đang bị tạm giam, nếu phạt tù bị cáo IHP thì không ai nuôi dưỡng các con, bị cáo IHP có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự và các tình tiết giảm nhẹ khác như là lao động chính duy nhất trong gia đình, chồng đang bị giam trong cùng vụ án, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo IHP mức hình phạt 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo hoặc từ hình phạt tù sang mức hình phạt tiền.

- Về với số tiền khám xét bị tạm giữ trong vụ án và số tiền nộp vượt quá nghĩa vụ cần nộp (thu lợi bất chính). Đề nghị hội đồng xét xử xem xét trả lại cho các bị cáo với số tiền không sử dụng vào mục đích phạm tội và số tiền nộp vượt quá nghĩa vụ cần nộp (thu lợi bất chính).

- Về hình phạt bổ sung, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên đề nghị hội đồng xét xử cân nhắc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Luật sư Lại Văn Giang trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Trần Văn Q, Trần Thị H:

- Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AnG và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CD về định tội danh tội “Đánh bạc” đối với các bị cáo Trần Văn Q, Trần Thị H. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, do trình độ học vấn thấp, thuộc thành phần nhân dân lao động. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khai báo với cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm bị phát hiện là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Q có tham gia và hoàn thành tốt nghĩa vụ quân sự từ tháng 3/2007 đến tháng 8/2008 (hiện nay là sĩ quan dự bị cấp Úy), là trụ cột chính trong gia đình (nuôi 02 con nhỏ đi học và mẹ ruột đã lớn tuổi, thường xuyên đau bệnh), tích cực hợp tác với Cơ quan cảnh sát điều tra trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000 đồng khắc phục hậu quả; bị cáo H là trụ cột chính trong

gia đình (nuôi con nhỏ đi học), tích cực hợp tác với Cơ quan cảnh sát điều tra trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện giao nộp số tiền 18.400.000 đồng khắc phục hậu quả. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho cho các bị cáo ở khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Luật sư Trần Quang Anh trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Huỳnh Bích IU:

- Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AnG và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CD về định tội danh tội “Đánh bạc” đối với các bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo IU từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, hình phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng là có phần nghiêm khắc. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khai báo với cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm bị phát hiện là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo IU có nhân thân tốt, do trình độ học vấn thấp, thuộc thành phần lao, trong lúc bị tạm giữ bị cáo cũng không vi phạm nội quy nhà tạm giam, tạm giữ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho cho các bị cáo ở khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Luật sư Đào QCA Quý trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Ngô Thị PG, Phan Thị HA, La Thị Ánh SNG:

- Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AnG và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CD về định tội danh tội “Đánh bạc” đối với các bị cáo là hình phạt tiền. Tuy nhiên số tiền này còn tương đối cao và với những tình tiết giảm nhẹ mà những bị cáo được hưởng, tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

- Về biện pháp tư pháp, đề nghị trả lại cho bị cáo PG số tiền chênh lệch sau khi trừ đi nghĩa vụ thi hành án.

Trong phần tranh luận, Đại diện kiểm sát giữ nguyên truy tố theo bản luận tội, các Luật sư giữ nguyên quan điểm bào chữa.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng

của Cơ quan điều tra Công an tỉnh AnG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân tỉnh AnG, Viện kiểm sát nhân dân thành phố CD, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tổ tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng những người làm chứng Dương Thị Kim Tươi, Trần Thị Thu Nguyệt, Nguyễn Thị Bảo Thành, Thái Thị Thu TH, Lê Văn Tín, Nguyễn Thị Nga, Trần thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Phạm Văn Hóa, Ôn Thị Thùy Chân, Thái Văn Bằng, Nguyễn Văn Tươi, Đoàn Thị Mỹ Phương vắng mặt. Xét những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung,

[3] Hành vi phạm tội: L khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ gồm: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh AnG lập; lời khai của các đối tượng có liên quan đến việc đánh bạc; nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa.

Thực chất vụ án đánh bạc mà bị cáo L có vai trò đầu vụ, các bị cáo còn lại ở vai trò giúp sức hoặc trực tiếp bán số (hành vi đánh bạc). Trong đó vai trò của bị cáo T đã được làm rõ về hành vi, tính chất mức độ phạm tội và xác định bị cáo T ở vai trò giúp sức cho bị cáo L (đối chiếu lời khai của bị cáo L – T và những bị cáo khác trong vụ án đủ căn cứ xác định bị cáo T vai trò giúp sức) các bị cáo hưởng huê hồng bằng hình thức chuyển phôi đề và số tiền (nhận tiền cò mà không ăn thua với các con bạc). Ngoài bị cáo L thì những bị cáo còn lại hưởng lợi rất thấp, có trường hợp vì tình cảm gia đình mà giúp sức không hưởng lợi. Các bị cáo có 02 tình tiết trở lên ở khoản 1 và ít nhất 01 tình tiết ở khoản 2 Điều 51 BLHS, ngoài ra còn có các tình tiết giảm nhẹ khác không quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 nhưng được ghi nhận xem xét như phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, là lao động chính, thành phần lao động nghèo, nuôi con nhỏ hoặc mang thai, hiện bệnh hiểm nghèo, chồng hoặc vợ đang bị giam giữ nên gia cảnh rất khó khăn nên cần cá thể hóa từng đối tượng với từng hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể:

- Trần Thị L, Võ Phước T tham gia đánh bạc 13 ngày, tổng số tiền tham gia đánh bạc là 1.647.775.440 đồng và có 1.628.609.720 đồng số tiền tham gia mỗi lần trên 5.000.000 đồng. Do bị thua, nên L chưa thu lợi. Tại phiên tòa thể hiện bị cáo L là đầu vụ, bị cáo T là chồng có vai trò giúp sức như nhận các phôi của các con bạc và sau đó chuyển cho L và nhận tiền của L giao cho các con bạc

(T chỉ chịu trách nhiệm đối với các phôi đề do cá nhân trực tiếp nhận giao lại cho L nên T chỉ chịu một phần trong tổng số tiền quy kết đối bị cáo L nhưng chỉ ở vai trò giúp sức) và bị cáo L là đầu vụ chủ mưu.

- Võ Thị Thúy A, Nguyễn Văn E, Nguyễn HTN Thanh, Trần Văn Q và Võ Văn Đ đã nhiều lần phụ giúp L trong việc cộng phôi, tổng hợp số trứng và ghi sổ theo dõi tiền đánh bạc lời, lỗ. Trong đó:

+ A giúp sức 06 ngày, với tổng số tiền tham gia đánh bạc là 353.106.140 đồng và có 347.305.500 đồng số tiền tham gia mỗi lần trên 5.000.000 đồng; E giúp sức 03 ngày với tổng số tiền tham gia đánh bạc trên 5.000.000 đồng là 1.030.039.260 đồng (vợ chồng A + E ghi giúp L tổng hợp phôi do các con bạc gửi đến, không hưởng huê hồng vì quan hệ mẹ con và được bị cáo L cho tiền sinh hoạt trong gia đình là 2.000.000 đồng).

+ Thanh, Q và Đ giúp sức 08 ngày, với tổng số tiền tham gia đánh bạc là 1.587.832.120 đồng và có 1.582.031.480 đồng số tiền tham gia mỗi lần trên 5.000.000 đồng. Thanh thu lợi 5.500.000 đồng; Q 8.000.000 đồng và Đ 20.000.000 đồng (các bị cáo chỉ giúp giao nhận tiền hay phôi bạc giữa các con bạc và bị cáo L nhưng mỗi bị cáo chỉ tham gia một phần trong tổng số tiền qui kết đánh bạc của bị cáo L).

- Huỳnh Thị Thùy HK tham gia đánh bạc 03 ngày, với tổng số tiền đánh bạc 198.198.500 đồng. Trong đó, có 193.229.500 đồng số tiền tham gia mỗi lần trên 5.000.000 đồng và thu lợi 26.400.000 đồng (HK vừa giúp sức một phần với bị cáo L và vừa trực tiếp bán và nhận các phôi đề của các con bạc khác).

- Dương Thị TH tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc Đài miền Nam là 35.654.000 đồng và thu lợi 27.600.000 đồng.

- Huỳnh Bích IU tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc Đài miền Nam là 59.805.000 đồng và thu lợi 13.490.000 đồng.

- Phan Thị HA tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc Đài miền Nam là 18.759.400 đồng và thu lợi 6.900.000 đồng.

- Thái Thị THA tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 31.515.800 đồng. Trong đó: Đài miền Nam là 15.327.910 đồng; Đài miền Bắc là 12.469.400 đồng và thu lợi 10.000.000 đồng.

- Huỳnh Văn LM tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 30.605.110 đồng. Trong đó: Đài miền Nam là 19.046.400 đồng; Đài miền Bắc là 15.277.200 đồng và thu lợi 8.000.000 đồng.

- Lâm Thị Mỹ TRF tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 133.264.220 đồng. Trong đó: Đài miền Nam là 70.837.340 đồng; Đài miền Bắc là 62.426.880 đồng và thu lợi 15.000.000 đồng.

- Huỳnh Thị Mai TOH tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc Đài miền Nam là 17.592.300 đồng và thu lợi 30.000.000 đồng từ ngày tham gia đánh bạc.

- Võ Thị IHP tham gia đánh bạc 05 ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 123.573.680 đồng. Trong đó, có 110.208.600 đồng số tiền tham gia mỗi lần trên 5.000.000 đồng và thu lợi 9.000.000 đồng.

- La Thị Ánh SNG tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 33.251.120 đồng. Trong đó: Đài miền Nam là 18.200.000 đồng; Đài miền Bắc là 15.051.120 đồng và thu lợi 4.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Ánh QCA và Lê Thanh QNQ tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc 110.335.950 đồng. Trong đó: Đài miền Nam là 71.147.200 đồng; Đài miền Bắc là 39.188.750 đồng và thu lợi 9.000.000 đồng; Trong đó QNQ chỉ vai trò giúp sức.

- Ngô Thị PG tham gia đánh bạc 02 ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 18.633.400 đồng. Trong đó: Đài miền Nam là 14.000.000 đồng; Đài miền Bắc là 4.633.400 đồng và thu lợi 3.300.000 đồng.

- Quách Cẩm PT tham gia đánh bạc 05 ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 84.554.600 đồng. Trong đó: Đài miền Nam là 30.864.600 đồng; Đài miền Bắc là 53.690.150 đồng và có 73.121.200 đồng số tiền tham gia mỗi lần trên 5.000.000 đồng. Thu lợi 24.000.000 đồng.

- Trần Thanh TG tham gia đánh bạc 03 ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 46.351.500 đồng. Trong đó: Đài miền Nam là 21.295.500 đồng; Đài miền Bắc là 25.056.000 đồng và có 46.176.500 đồng số tiền tham gia mỗi lần trên 5.000.000 đồng và thu lợi 31.500.000 đồng.

- Trương Thị Mỹ T tham gia đánh bạc 02 ngày, với tổng số tiền đánh bạc Đài miền Nam là 109.200.000 đồng và thu lợi 108.000.000 đồng (bị cáo T tham gia bằng hình thức mua số mà không phải bán số, nhận phôi; do bị cáo được trúng số nên đủ định lượng phạm tội đánh bạc)

- Lê Thị CL tham gia đánh bạc 03 ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 110.846.740 đồng. Trong đó: Đài miền Nam là 61.738.440 đồng; Đài miền Bắc là 49.108.300 đồng và có 107.972.740 đồng số tiền tham gia mỗi lần trên 5.000.000 đồng và thu lợi 70.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Mai XN tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc Đài miền Nam là 5.380.000 đồng và chưa có thu lợi (vai trò giúp sức cho bị cáo CL bằng hình thức ghi hộ không hưởng huê hồng hay thu lợi; bị cáo XN nợ tiền bị cáo CL và bị cáo CL nhờ XN ghi hộ trong 1 ngày của tổng phôi đề của nhiều con bạc mua của CL).

- Lâm Thị Hồng HN tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 45.079.900 đồng. Trong đó: Đài miền Nam là 17.182.600 đồng; Đài miền Bắc 27.897.300 đồng và thu lợi 300.000 đồng.

- Trần Thị H tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 28.156.860 đồng. Trong đó: Đài miền Nam là 12.493.600 đồng; Đài miền Bắc 15.663.260 đồng và thu lợi 21.750.000 đồng.

- Huỳnh Thị PH (Thuần) tham gia đánh bạc 01 ngày, với tổng số tiền đánh bạc Đài miền Nam là 17.100.000 đồng và thu lợi 600.000 đồng.

Từ đó cho thấy, các bị cáo đã sử dụng điện thoại đánh bạc bằng hình thức ghi bán số lô, số đề được thua bằng tiền với nhiều người, liên tục nhiều lần mà tổng số tiền dùng đánh bạc của từng lần đánh bạc trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội này. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AnG truy tố các bị cáo theo khoản 1, khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thành phố CD tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[5] Về tính chất của vụ án cũng như vai trò của từng bị cáo thì thấy như sau:

Đánh bạc là một trong những tệ nạn trong xã hội, nó không những làm cho người tham gia bỏ bê lao động, sản xuất, chỉ trông chờ vào vận may, gây xáo trộn hoạt động bình thường trong cộng đồng dân cư mà còn kéo theo những tệ nạn khác. Do vậy, pháp luật đã quy định hành vi đánh bạc là tội phạm và những người ghi bán số đề để được hưởng hoa hồng của chủ thầu cũng như những người tham gia đều phạm vào tội đánh bạc được quy định tại điều 321 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều là những người có đầy đủ nhận thức, biết pháp luật nghiêm cấm hành vi đánh bạc dưới mọi hình thức, trong đó có việc mua, bán số đề nhưng với ý thức háms lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm pháp. Qua đó cho thấy các bị cáo là người xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả. Xét thấy, khi lượng hình phải xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm để răn đe. Cần phân hóa vai trò để xem xét, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các thể hóa hình phạt đối từng bị cáo:

Về nhân thân: các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo Trần Thị L, Võ Phước T, Nguyễn Văn E, Võ Thị Thúy A, Trần Văn Q, Võ Văn Đ, Nguyễn HTN Thanh, Lê Thị CL, Trần Thị H, Huỳnh Thị Thùy HK, Thái Thị THA, Lâm Thị Mỹ TRF, Huỳnh Văn LM, Trần Thanh TG, Quách Cẩm PT, Trương Thị Mỹ T, Võ Thị IHP, La Thị Ánh SNG, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ, Lâm Thị Hồng HN thực hiện hành vi đánh bạc 02 lần mà tổng số tiền của từng lần đánh bạc đều trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự (từ 5.000.000 đồng trở lên), nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Các bị cáo Huỳnh Bích IU, Ngô Thị PG, Nguyễn Thị Mai XN, Dương Thị TH, Huỳnh Thị PH (Thuần), Phan Thị HA (Sáng) và Huỳnh Thị Mai TOH (Mai) không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị L, Võ Phước T, Nguyễn Văn E, Võ Thị Thúy A, Trần Văn Q, Võ Văn Đ, Nguyễn HTN Thanh, Lê Thị CL, Trần Thị H, Huỳnh Thị Thùy HK, Huỳnh Bích IU, Thái Thị THA, Lâm Thị Mỹ TRF, Huỳnh Văn LM, Trần Thanh TG, Quách Cẩm PT, Trương Thị Mỹ T, Võ Thị IHP, La Thị Ánh SNG, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ, Lâm Thị Hồng HN đã tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khai báo với cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm bị phát hiện là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng các bị cáo Nguyễn Thị Mai XN, Dương Thị TH, Phan Thị HA, Huỳnh Thị Mai TOH, Ngô Thị PG, Huỳnh Thị PH được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính nên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Trần Thị L là đầu vụ, người trực tiếp bán số đề cho nhiều người, sử dụng các số điện thoại di động, tài khoản mạng xã hội zalo để liên lạc với những người mua đề, chính bị cáo là người chủ động chuẩn bị các phương tiện để thực hiện tội phạm như giấy, viết, điện thoại có chức năng ghi âm, ghi hình; khi chung tiền chi thắng thua bằng tiền mặt, không có địa điểm giao nhận cố định, nhằm tránh sự chú ý của các cơ quan chức năng. Xét tính chất mức độ, vai trò của bị cáo L có tính chi phối toàn bộ hoạt động mua bán số đề được ăn thua bằng tiền của các bị cáo đồng phạm khác nên phải có mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại mới thỏa đáng.

Tuy nhiên cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo L (có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và 1 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự ngoài ra bị cáo có sức khỏe kém, có đơn của gia đình xin cứu xét giảm nhẹ hình phạt, có nhân thân tốt được Ủy ban nhân dân nơi cư trú xác nhận).

- Đối với bị cáo Võ Phước T: Bị cáo T bị truy tố số tiền đánh bạc là 1.647.775.440 đồng, tại phiên tòa xác định bị cáo là đồng phạm với bị cáo L ở vai trò giúp sức. Tuy nhiên, bị cáo T chỉ nhận các phôi đề của một số con bạc hoặc T nhận tiền từ L để giao cho các con bạc khác hoặc nhận tiền của các con bạc giao lại cho L. Trong tổng số tiền 1.647.775.440 đồng bị truy tố, thực tế bị cáo T chỉ thực hiện một phần trong tổng số tiền nhận phôi, giao phôi và tính tiền nên bị cáo T chỉ chịu trách nhiệm trong phần cá nhân của mình. Do bị cáo nhận và chuyển phôi đề từ các con bạc cho bị cáo L nên đủ căn cứ quy kết vai trò đồng phạm, giúp sức cho bị cáo L và phải chịu trách nhiệm hình sự.

Xét bị cáo T đang mắc bệnh hiểm nghèo (ung thư) và u gan, tiểu đường, sức khỏe hiện nay rất kém nên khi khởi tố và truy tố, cơ quan điều tra cho tại ngoại. Bị cáo phạm tội với vai trò giúp cho bị cáo L, phạm tội lần đầu, nhân thân

tốt, trong giai đoạn tại ngoại luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật địa phương, có đơn xin cứu xét giảm nhẹ hình phạt, tại ngoại để điều trị bệnh và được Ủy ban nhân dân phường VM xác nhận. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, vợ bị cáo đang bị giam, gia cảnh rất khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nếu tách ly bị cáo ngoài xã hội thì không còn cơ hội điều trị bệnh, kéo dài cuộc sống với thời gian còn lại của bệnh hiểm nghèo. Tính nhân văn trong xét xử và tạo điều kiện cho bị cáo phục thiện bằng hình thức cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung (không trái Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2018 /NQ – HĐTP ngày 24/4/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về trường hợp không cho hưởng án treo).

- Đối với các bị cáo Huỳnh Thị Thùy HK, Lê Thị CL, Huỳnh Bích IU, Lâm Thị Mỹ TRF thực hiện hành vi mua bán, giao, nhận số lô, số đề được ăn thua bằng tiền để hưởng huê hồng. Các bị cáo vì để có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần tốn nhiều công sức nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được ghi nhận trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, (bản chất vụ án: các bị cáo bán số nhận phôi nhưng không ăn thua với các con bạc mà chuyển phôi đề cho đầu vụ để hưởng huê hồng, số tiền hưởng lợi do phạm tội không lớn, hình thức nhìn chung cũng là người làm thuê). Phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có gia cảnh khó khăn. Xét tình tiết vụ án, số tiền phạm tội và hoàn cảnh...nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự là đúng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và tách ly các bị cáo ngoài xã hội thêm một thời gian.

- Đối với bị cáo Trần Thị H nhận phôi đề, chuyển giao phôi đề cho Võ Thị IHP để đánh bạc. Ngoài ra, H còn tham gia phụ giúp L trong việc giao, nhận phôi đề và tính tiền thắng, thua với những người tham gia đánh bạc nhằm hưởng huê hồng. Bị cáo vì để có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần tốn nhiều công sức nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do cùng lúc thực hiện hai hành vi nêu trên nên bị cáo H phải có mức án cáo hơn các bị cáo khác nhằm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo là người trong gia đình bị cáo L, có nhiều đối tượng đang bị giam giữ trong cùng vụ án, có nhân thân tốt và gia cảnh khó khăn và thu lợi không lớn nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Văn E, Trần Văn Q, Võ Văn Đ, Nguyễn HTN Thanh thực hiện hành vi phụ giúp bị cáo L tính lời, lỗ trong số lô, đề được ăn thua bằng tiền để hưởng huê hồng. Các bị cáo vì để có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần tốn nhiều công sức nên đã thực hiện hành vi nêu trên. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Các bị cáo

phạm tội ở vai trò giúp sức và mỗi bị cáo chỉ thực hiện một phần hành vi phạm tội trong tổng số tiền qui kết cho bị cáo L, các bị cáo hưởng lợi không đáng kể, đặc biệt có xem xét mối quan hệ giữa bị cáo L với bị cáo E (E là con rể) vì vị nể và giúp không điều kiện, chỉ được bà L cho vợ chồng E 2.000.000 đồng/ tháng để sinh hoạt gia đình. E có gia cảnh cha vừa mất, đang nuôi 02 con nhỏ, có đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Núi Sam; gia đình bị cáo Thanh có đơn xin cứu xét và bị cáo Thanh có Quyết định về việc công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đủ điều kiện áp dụng áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự với mức phạt tù cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng chống tội phạm.

- Đối với bị cáo Võ Thị Thúy A thực hiện hành vi phụ giúp bị cáo L tính lời, lỗ trong số lô, đề được ăn thua bằng tiền và số tiền do hành vi giúp sức không lớn so các bị cáo khác cùng vụ án. Do bị cáo A là con ruột của bị cáo L nên tiền huê hồng cho việc phụ giúp của bị cáo đối với bị cáo L là không có (cả hai vợ chồng chỉ được cho tiền sinh hoạt tổng cộng là 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy việc hưởng lợi từ vai trò giúp sức của bị cáo A không lớn và phải vướng vòng lao lý mà hậu quả là mẹ, chồng và cha điều phải bị xử lý, trong đó mẹ và chồng bị cáo phải tiếp tục giam.

Bản thân bị cáo không vì vụ lợi cá nhân, phạm tội lần đầu và vai trò giúp sức không đáng kể, có nhân thân tốt, trước khi phạm tội, thời gian tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương. Ngoài ra bị cáo còn nuôi hai con nhỏ, chồng bị cáo đang bị giam, cha (bị cáo T) đang bệnh hiểm nghèo là con duy nhất trong gia đình và mẹ (L vợ bị cáo T) cũng đang bị giam không người chăm sóc. Nếu tách ly bị cáo A ngoài xã hội sẽ có hệ lụy xấu không ai chăm sóc con cái và cha, sẽ là gánh nặng xã hội. Ủy ban nhân dân phường cũng đã xác nhận vào đơn xin cứu xét giảm nhẹ cho bị cáo A. Đối chiếu qui định pháp luật tại Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 01/2018 /NQ –HĐTP ngày 24/4/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về trường hợp không cho hưởng án treo.

- Đối với các bị cáo Võ Thị IHP, Trương Thị Mỹ T, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ trong đó: Bị cáo QCA ghi bán số đề trực tiếp cho nhiều người (không rõ họ tên, địa chỉ); bị cáo QNQ phụ giúp bị cáo QCA sử dụng zalo chuyển giao phôi đề tham gia đánh bạc với L; bị cáo T trực tiếp mua số đề của HK để đánh bạc; bị cáo IHP thực hiện hành vi mua bán, giao, nhận số lô, số đề được ăn thua bằng tiền.

Bị cáo IHP phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, là người lao động và là thành phần nghèo, gia cảnh rất khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng, chồng là bị cáo Q đang bị giam trong cùng vụ án, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đề ngày 10/3/2023 và được địa phương ký xác nhận. Bị cáo IHP đang mắc bệnh tim mạch (Giấy nhập viện, ra viện, khám điều trị bệnh của bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh AnG: Khoa tim mạch – Lão học) và hiện bị cáo đang nuôi hai con nhỏ là người chưa thành niên, đang độ tuổi ăn học. Đối bị cáo mặc dù qui kết trách nhiệm hình sự nhưng thực tế chỉ là người làm thuê hưởng huê hồng, không ăn

thua với các con bạc (bị cáo bán và nhận phôi và sau đó chuyển phôi để hưởng huê hồng và số tiền thu lợi không lớn) và có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nếu áp dụng phạt tù mà chồng bị cáo đang bị giam giữ thì các con và gia đình có hệ lụy không tốt, không có điều kiện trị bệnh nên xét căn nhắc cho bị cáo bên ngoài cải tạo, thể hiện chính sách pháp luật đối người có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có gia cảnh đặc biệt.

- Đối với bị cáo QCA có đơn xin cứu xét (hoàn cảnh gia đình khó khăn), có chồng là cán bộ hưu trí (đã chết), hiện phải nuôi 02 con nhỏ đang học, là lao động chính của gia đình, bản thân đang mắc bệnh huyết áp, nhiều bệnh lý khác (xác nhận của Bệnh viện Trung Vương thành phố Hồ Chí Minh; khoa nội thần kinh Đại học y dược và Bệnh viện Chợ Rẫy). Phạm tội lần đầu, tự thú, nhân thân tốt ...Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cho bị cáo hưởng án treo thể hiện tính nhân văn trong xử lý tội phạm.

- Đối với bị cáo T đang bị bệnh u xơ tử cung, viêm sung huyết niêm mạc hang vị, viêm thực quản trào ngược (hồ sơ bệnh án bệnh viện Chợ Rẫy – TP Hồ Chí Minh). Hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động chính trong gia đình, có đơn xin cứu xét, đặc biệt còn có các hộ lân cận nơi cư trú đồng gửi đơn đến tòa án xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, được tại ngoại bên ngoài để cải tạo nuôi mẹ già trên 73 tuổi, con đang đi học và bị cáo bị bệnh nan y. Xét bị cáo phạm tội khác với các bị cáo khác là không phải bán số chuyển phôi...là người mua số và mai mắn được trúng số và tiền trúng số đủ định lượng chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội do nhất thời (mua và trúng số) nên cũng tạo cho bị cáo có cơ hội sửa sai, chăm lo nuôi mẹ già và con nhỏ, điều trị bệnh nên không tách ly bị cáo ngoài xã hội mà giao đi phương theo dõi giáo dục cũng đủ tác dụng.

- Đối với bị cáo QNQ vừa sinh con nhỏ được 13 tháng tuổi. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội lần đầu và là người giúp sức ghi chép cho bị cáo QCA, hưởng lợi thấp, thành phần lao động nghèo và là lao động chính trong gia đình (được sĩ trung cấp - bán thuốc) có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt. Đơn xin cứu xét của bị cáo được Ủy ban nhân dân xã Lê Chánh xác nhận. Xét bị cáo vai trò giúp sức trong vụ án và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có thể cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo IHP, T, QCA, QNQ có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra còn có các tình tiết khác được ghi nhận đối từng bị cáo, có bị cáo là vai trò giúp sức, tham gia đánh bạc, chuyển phôi và các bị cáo là những đối tượng như lao động chính, phạm tội lần đầu, nuôi con nhỏ hoặc cha mẹ già, hưởng và thu lợi không lớn, sức khỏe kém đang điều trị bệnh (có các loại giấy tờ tại bệnh viện)...Căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 01/2018 /NQ –HĐTP ngày 24/4/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về trường hợp không cho hưởng án treo thì cho các bị cáo án treo là không trái pháp luật, thể hiện tính nhân văn trong áp dụng xử lý tội phạm, đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung. Việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh

hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và mang ý nghĩa tuyên truyền, giáo dục cho người phạm tội biết thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả thì sẽ được sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho các bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có thời gian tự cải tạo, sửa đổi bản thân, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mai XN thực hiện hành vi ghi lại các con số giúp hộ bị cáo CL mà không hưởng huê hồng (mượn nợ XN và XN nhờ ghi hộ và chỉ một lần ghi duy nhất và số tiền không đáng kể) phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự). Bị cáo là thành phần lao động nghèo, có nhân thân tốt và hiện đang nuôi 02 con nhỏ, chồng ly thân nhiều năm, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn phải nhờ sự giúp đỡ của địa phương, không có điều kiện kinh tế áp dụng phạt tiền nên xử phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp đủ tác dụng răn đe.

- Đối với các bị cáo Quách Cẩm PT, Lâm Thị Hồng HN, Trần Thanh TG, Thái Thị THA, Huỳnh Văn LM, La Thị Ánh SNG, Dương Thị TH, Phan Thị HA, Huỳnh Thị Mai TOH, Ngô Thị PG, Huỳnh Thị PH có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo PT, HN, TG, Thanh, SNG đã tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; người phạm tội tự thú là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng đối với các bị cáo TH, HA, TOH, PG, PH đã tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù. Việc giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo còn mang ý nghĩa tuyên truyền, giáo dục cho người phạm tội biết thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả thì sẽ được sự khoan hồng của pháp luật; các bị cáo khai tại phiên tòa có đủ điều kiện kinh tế để chấp hành hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử xem xét hình phạt chính là phạt tiền cho các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có thu nhập ổn định nhưng vì ham lợi nên đã thực hiện các hành vi đánh bạc nêu trên nên hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo:

Buộc bị cáo Trần Thị L nộp phạt số tiền 50.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Huỳnh Thị Thùy HK, Huỳnh Bích IU, Lê Thị CL, Lâm Thị Mỹ TRF, Trương Thị Mỹ T, Võ Thị IHP, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ nộp phạt số tiền 40.000.000 đồng;

[8] Các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền thu lợi bất chính là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, Hội đồng xét xử xét thấy số tiền này có được từ việc đánh bạc nên cần phải buộc các bị cáo giao nộp lại. Vì vậy, buộc các bị cáo Quách

Cầm PT 1.000.000 đồng; Trương Thị Mỹ T 52.000.000 đồng; Lê Thị CL 8.000.000 đồng; Trần Thị H 3.350.000 đồng; Huỳnh Thị Mai TOH 25.000.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam 867.105.000 đồng; 01 máy in hiệu canon LBP 226 dw; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7; 01 điện thoại di động nhãn hiệu samsung Note 8; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A23; 01 điện thoại di động nhãn hiệu S8+; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 2020; 01 máy tính Casio, màu xám, DX-12B; 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, màu vàng trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, màu đen; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 4; 01 máy in hiệu Canon F166500; 06 máy tính tiền Casio; 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Itel; 01 điện thoại di động màu trắng đen hiệu Mastel; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, có gắn sim số mạng Viettel;

- Trả lại cho các bị cáo Võ Phước T và Trần Thị L 449.950.000 đồng; Trần Thị H 87.665.000 đồng; Trần Văn Q 41.500.000 đồng; Lê Thị CL 20.000.000 đồng; Nguyễn Văn HTN Em 25.600.000 đồng; Võ Văn Đ 435.000 đồng; Huỳnh Bích IU 54.000.000 đồng; Võ Văn Đ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67D2-088.44;

- Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo giao nộp cao hơn nghĩa vụ cần phải nộp gồm Trần Thị L, Võ Phước T: 70.000.000 đồng; Trần Văn Quý: 12.000.000 đồng; Ngô Thị PG: 10.700.000 đồng; Dương Thị TH: 11.600.000 đồng; Võ Thị IHP: 14.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mai XN: 3.000.000 đồng; Lê Thanh QNQ: 3.000.000 đồng;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 quyển tập có chữ GOON - JEWELPET; 03 tờ giấy ghi chữ và số; 06 quyển tập đánh số A, B, C, D, E, G; 01 sổ màu đen, có chữ Discovery; 01 tập có chữ monokuro; 01 tập có chữ essential; 01 tập có chữ hello baby; 01 sấp giấy ghi nhiều chữ và số có chữ ký xác nhận của Huỳnh Thị Bích IU; 05 tờ giấy trắng, khổ A4; 01 bút xóa nhãn hiệu Thiên Long, màu xanh trắng; 03 viết mực màu xanh, nhãn hiệu Thiên Long; 03 viết mực đỏ, nhãn hiệu Thiên Long; 02 tờ giấy in màu đỏ, có các số; 14 tờ giấy ghi chữ viết, chữ số; 26 cây viết mực; 15 cây viết chì;

[10] Các vấn đề khác:

- Nguyễn Văn Dũng, Đoàn Thị Mỹ Phương, Nguyễn Phước SNG tuy có hành vi đánh bạc, nhưng không có liên quan đến vụ án của Trần Thị L cùng các đồng phạm. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh AnG chuyển tin báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố CĐ để thụ lý và làm rõ xử lý theo quy định.

- Dương Thị Kim Tươi, Trần Thị Thu Nguyệt, Nguyễn Thị Bảo Thành (PG), Thái Thị Thu TH, Lê Văn Tín, Nguyễn Thị Nga, Trần Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Dương Thúy Hương, Phạm Văn Hóa, Ôn Thị Thùy Chân, Thái Văn Bằng, Nguyễn Văn Tươi, Thi Duy Liên tham gia đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề được thua bằng tiền, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh AnG có văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính.

- Đinh Thị Dạ Lý, Trương Thị Dây, Nguyễn Thị QCA Tâm và những người tham gia đánh bạc với L, T và các bị can tại các khu vực huyện Chợ Mới; huyện Phú Tân; huyện CP; thị xã Tân Châu và thành phố CD, tỉnh AnG, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh AnG tiếp tục xác minh làm rõ hành vi của những người này và sẽ xử lý sau.

- Trần Thị L, Võ Phước T, Võ Thị Thúy A, Trần Văn Q, Võ Văn Đ, Nguyễn HTN Thanh, Lê Thị CL, Trần Thị H, Huỳnh Thị Thùy HK, Thái Thị THA, Lâm Thị Mỹ TRF, Huỳnh Văn LM, Trần Thanh TG, Quách Cẩm PT, Võ Thị IHP, La Thị Ánh SNG, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ, Huỳnh Bích IU, Nguyễn Thị Mai XN, Lâm Thị Hồng HN, Dương Thị TH, Phan Thị HA, Huỳnh Thị Mai TOH, Ngô Thị PG, Huỳnh Thị PH, khai ngoài các lần trên còn tham gia các lần đánh bạc khác, nhưng ngoài lời khai của TOH, Tuyết, Hà, Nguyệt, HA, Thật, Hoàng, Loan, Hiền và Thế không còn chứng cứ chứng minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh AnG không quy kết trách nhiệm hình sự đối với những lần này là có căn cứ.

[11] Về đề nghị của người bào chữa: Trong phần tranh luận tại phiên tòa, những người bào chữa thống nhất với truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AnG đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử căn nhắc xem xét mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[12] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 13/5/2022).

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

2.1 Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn E phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn E 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 13/5/2022).

2.2 Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 13/5/2022).

2.3 Tuyên bố bị cáo Nguyễn HTN Thanh phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn HTN Thanh 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 13/02/2023).

2.4 Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị H 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 12/5/2022).

Buộc bị cáo Trần Thị H nộp lại tiền thu lợi tổng cộng 3.350.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

2.5 Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Thùy HK phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Thị Thùy HK 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 13/5/2022).

2.6 Tuyên bố bị cáo Lê Thị CL phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Lê Thị CL 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 12/5/2022).

Buộc bị cáo Lê Thị CL nộp lại tiền thu lợi tổng cộng 8.000.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

2.7 Tuyên bố bị cáo Lâm Thị Mỹ TRF phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Lâm Thị Mỹ TRF 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2.8 Tuyên bố bị cáo Võ Văn Đ phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Võ Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 13/5/2022).

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Bích IU phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Bích IU 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 12/5/2022).

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự

năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;

Tuyên bố bị cáo Võ Phước T phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Võ Phước T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, được tính kể từ ngày tuyên án 15/3/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;

5.1 Tuyên bố bị cáo Võ Thị IHP phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Võ Thị IHP 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, được tính kể từ ngày tuyên án 15/3/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5.2 Tuyên bố bị cáo Võ Thị Thúy A phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Võ Thị Thúy A 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, được tính kể từ ngày tuyên án 15/3/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường VM, thành phố CD, tỉnh AnG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5.3 Tuyên bố bị cáo Trương Thị Mỹ T phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Trương Thị Mỹ T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, được tính kể từ ngày tuyên án 15/3/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện A Phú, tỉnh AnG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 328 trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giam vụ án khác.

Buộc bị cáo Trương Thị Mỹ T nộp lại tiền thu lợi tổng cộng 52.000.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

5.4 Tuyên bố bị cáo Lê Thanh QNQ phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Lê Thanh QNQ 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, được tính kể từ ngày tuyên án 15/3/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh AnG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5.5 Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ánh QCA phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Ánh QCA 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, được tính kể từ ngày tuyên án 15/3/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh AnG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

6.1. Tuyên bố bị cáo Quách Cẩm PT phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Quách Cẩm PT 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Áp dụng Điều 328 trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giam vụ án khác.

Buộc bị cáo Quách Cẩm PT nộp lại tiền thu lợi tổng cộng 1.000.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

6.2. Tuyên bố bị cáo Lâm Thị Hồng HN phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Lâm Thị Hồng HN 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

6.3. Tuyên bố bị cáo Trần Thanh TG (Lệ) phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Trần Thanh TG (Lệ) 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

6.4. Tuyên bố bị cáo Thái Thị THA phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Thái Thị THA 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

6.5. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn LM (Thanh) phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Văn LM (Thanh) 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

6.6. Tuyên bố bị cáo La Thị Ánh SNG phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo La Thị Ánh SNG 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mai XN phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai XN 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện CP, tỉnh AnG nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo còn phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Giao bị cáo XN cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện CP, tỉnh AnG giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định Luật Thi hành án Hình sự.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

8.1. Tuyên bố bị cáo Ngô Thị PG phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị PG 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

8.2. Tuyên bố bị cáo Dương Thị TH phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Dương Thị TH 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng

8.3. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị PH (Thuần) phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị PH (Thuần) 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

8.4. Tuyên bố bị cáo Phan Thị HA (Sáng) phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phan Thị HA (Sáng) 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

8.5. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Mai TOH (Mai) phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Mai TOH (Mai) 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Thị Mai TOH (Mai) nộp lại tiền thu lợi tổng cộng 25.000.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

9. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Trần Thị L nộp phạt số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng;

Buộc bị cáo Huỳnh Thị Thùy HK, Huỳnh Bích IU, Lê Thị CL, Lâm Thị Mỹ TRF, Trương Thị Mỹ T, Võ Thị IHP, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ nộp phạt số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng;

10. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam 867.105.000 đồng; 01 (một) máy in hiệu canon NP ZA 023317, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, số Imei 1: 353465100561933, số Imei 2: 353466100561931, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8, số Imei 1: 353759098250875, màu xám; đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số Imei: 359153072850567, màu hồng; đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A23, số Imei: 354650130740354, màu đen; đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy S8+, số Imei 1: 354359082718604, màu đen, màn hình bị bể; đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA-1017 số Emei 1: 355848092742363, số Emei 2: 355848097741360; đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, màn hình bị bể không mở được, không kiểm tra được model, số Imei tại thời điểm giao nhận;

01 (một) máy tính Casio, màu xám, DX-12B; 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax, số Emei 1: 353888109703414, số Emei 2: 353888109649856, màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53, màu đen, số Imei 1: 865822056634133, số Imei 2: 865822056634125, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, màu vàng trắng, số Imei: 355228084009990, số Imei: 355229084009998, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, màu đen, số Imei: 353415085230988, số Imei 2: 353416085230986, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A50S, số seerri R58MB4DS2JH; số Emei 352049111923364, màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung model SM-N910C, số Imei 355025/06/1651921/1, màu trắng, đã qua sử dụng; 06 (sáu) máy tính tiền Casio (02 cái GX 12B; 02 cái GX 120B; 02 DM 1200 FM); 01 (một) máy in hiệu Canon F166500; màu trắng đen; 01 (một) điện thoại di động màu xanh hiệu Itel, model IT 5026, số Imei 356450110900585, số Emei 356450110902393, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màu trắng đen hiệu Mastel, model Fami 60, số Imei 1: 358069245152130, số Emei 2: 358069245252138, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Iphone 8 Plus màu trắng, số máy MQ 912 LL/A, số Emei: 359402087506338, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 67D2-088.44, nhãn hiệu Honda Future F1 màu đỏ-đen, số máy 1132522, số khung 020439, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model Galaxy J7+, số Emei 1: 352808093029817, số Emei 2: 352809093029815, màu vàng, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA 1034, màu đen, đã qua sử dụng, số Emei 1: 354481092416472, số Emei 2: 354481097416477, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh, không rõ model đời máy, bị hư màn hình, màn hình bị bể, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 4, số Emei 1: 867671055889018, số Emei 2: 867671055889000, màu xanh – tím, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39, số Emei 1: 863654031346976, số Emei 2: 863654031346968, màu vàng đồng, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, máy không mở nguồn được nên không xác định số Emei, model, trong máy có gắn sim Viettel số 8984-04800-00354-97891, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu nâu model SM-J51FN/DS, bị hư màn hình, đã qua sử dụng;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) quyển tập có chữ GOON – JEWELPET; 03 (ba) tờ giấy ghi chữ và số; 06 (sáu) quyển tập đánh số A,B,C,D,E,G; 01 (một) sổ màu đen, có chữ Discovery; 01 (một) tập có chữ monokuro; 01 (một) tập có chữ essential; 01 (một) tập có chữ hello baby; 01 (một) sổ giấy ghi nhiều chữ và số có chữ ký xác nhận của Huỳnh Thị Bích IU trên từng trang tài liệu được đánh số thứ tự; 05 (năm) tờ giấy trắng, khổ A4; 01 (một) bút xóa, màu xanh trắng (ghi chữ TL); 03 (ba) viết mực đỏ, TL-08, 0.8mm (ghi chữ TL); 03 (ba) viết mực đỏ, TL-027, 0.5mm (ghi chữ TL); 05 (năm) cây viết màu xanh; 02 (hai) tờ giấy in

màu đỏ, có các số; 14 (mười bốn) tờ giấy ghi chữ viết, chữ số; 26 (hai mươi sáu) cây viết mực; 15 (mười lăm) cây viết chì.

- Giao trả lại cho các bị cáo Võ Phước T và Trần Thị L 449.950.000 đồng; Trần Thị H 87.665.000 đồng; Trần Văn Q 41.500.000 đồng; Lê Thị CL 23.200.000 đồng; Nguyễn Văn HTN Em 25.600.000 đồng; Võ Văn Đ 435.000 đồng; Huỳnh Bích IU 65.820.000 đồng; Võ Văn Đ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67D2-088.44.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo giao nộp cao hơn nghĩa vụ cần phải nộp gồm Trần Thị L, Võ Phước T: 70.000.000 đồng; Trần Văn Quý: 12.000.000 đồng; Ngô Thị PG: 10.700.000 đồng; Dương Thị TH: 11.600.000 đồng; Võ Thị: 14.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mai XN: 3.000.000 đồng; Lê Thanh QNQ: 3.000.000 đồng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh AnG với Cục Thi hành án dân sự thành phố CD).

11. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Thị L, Võ Phước T, Nguyễn Văn E, Võ Thị Thúy A, Trần Văn Q, Võ Văn Đ, Nguyễn HTN Thanh, Trần Thị H, Huỳnh Thị Thùy HK, Huỳnh Bích IU, Lê Thị CL, Lâm Thị Mỹ TRF, Trương Thị Mỹ T, Võ Thị IHP, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ, Thái Thị THA, Nguyễn Thị Mai XN, Lâm Thị Hồng HN, Dương Thị TH, Phan Thị HA, Huỳnh Thị Mai TOH, Huỳnh Văn LM, Trần Thanh TG, Quách Cẩm PT, Ngô Thị PG, Huỳnh Thị PH, La Thị Ánh SNG mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

12. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Trần Thị L, Võ Phước T, Nguyễn Văn E, Võ Thị Thúy A, Trần Văn Q, Võ Văn Đ, Nguyễn HTN Thanh, Trần Thị H, Huỳnh Thị Thùy HK, Huỳnh Bích IU, Lê Thị CL, Lâm Thị Mỹ TRF, Trương Thị Mỹ T, Võ Thị IHP, Nguyễn Thị Ánh QCA, Lê Thanh QNQ, Thái Thị THA, Nguyễn Thị Mai XN, Lâm Thị Hồng HN, Dương Thị TH, Phan Thị HA, Huỳnh Thị Mai TOH, Huỳnh Văn LM, Trần Thanh TG, Quách Cẩm PT, Ngô Thị PG, Huỳnh Thị PH, La Thị Ánh SNG có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh AnG xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Chân